TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO L
TỈNH LÂM ĐỒNG

Bản án: 69/2023/HNGĐ- ST
Ngày: 18-9-2023.
V/v "Xin ly hôn "giữa chị Trương Thị T và Ah Đỗ Văn Y

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO L

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đình Phong –** Thẩm phán.
- Các Hội thẩm nhân dân:
- Ông **Hồ Đình Quảng.**
- Bà **Nguyễn Thị Tài.**
- Thư kY phiên tòa: Ông **Trương QuAg Vũ** - Thư kY Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.
- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Lâm Thị Hồng** – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lY số 09/2022/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022 về việc "*xin ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị T– Sinh năm 1988.
Địa chỉ: Thôn 13, xã Đam B' ri, Bảo L, Lâm Đồng.
(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Trương Thị T: Ông Lê Tấn Truyền-Luật sư – Thuộc Công ty luật TNHH Bảo L.
Địa chỉ: số 43, Nguyễn Văn Cừ, L Sơn, Bảo L, Lâm Đồng.
(Có mặt).

Bị đơn: Ah Đỗ Văn Y – Sinh năm 1981.
Địa chỉ: Thôn 6, xã L Tân, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.
(Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quA:
Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1987
Địa chỉ: Thôn 6, xã L Tân, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.
(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
Ông Đỗ Văn Đ, sinh năm 1977 và bà Đoàn Thị H, sinh năm 1980.
Địa chỉ: Thôn 6, xã L Tân, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.
(Ah Đ có mặt chị H vắng mặt).
Ông Đỗ Văn Đ, sinh năm 1949.
Địa chỉ: Thôn 6, xã L Tân, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.
(Có mặt).

Ông Lê Đức A, sinh năm 1980 và bà Đỗ Thị H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn 6, xã L Tân, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

(Có mặt).

Hạt kiểm lâm thành phố Bảo L

Địa chỉ: Hẻm 89 Huỳnh Thúc Kháng, phường 2, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

(Vắng mặt).

BA chỉ huy quân sự thành phố Bảo L

Địa chỉ: Số 10 KY Con, phường 01, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06-01-2022 và những lời trình bày của nguyên đơn thể hiện:

Về quA hệ hôn nhân:

Chị T với Ah Đỗ Văn Y sống chung với nhau từ năm 2007, có đăng kY kết hôn tại UBND xã Tức TrAh, Phú Lương, Thái Nguyên, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng Y, trước lúc chung sống hai người có tìm hiểu yêu thương nhau. Qúa trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời giA đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quA điểm sống, Ah Y thường xuyên chửi mắng và đánh đập chị, đến năm 2015 vợ chồng sống ly thân khoảng 03 tháng sau đó vợ chồng tiếp tục chung sống, đến năm 2016 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay không quA tâm chăm sóc đến nhau, nay tình cảm vợ chồng không còn, do vậy chị T yêu cầu được ly hôn với Ah Y.

Về con chung:

Quá trình chung sống chị T với Ah Y có 01 con chung tên là Đỗ Thành Đạt, sinh ngày 08/01/2008. Hiện nay con chung do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị T yêu cầu nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 tuổi, chị T yêu cầu Ah Y cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời giA bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 7/2023.

Về tài sản chung:

Quá trình chung sống chị T với Ah Y đã tạo lập được tài sản chung là thửa đất 80 tờ bản đồ 13 (Bản đồ mới) xã L Tân, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng nguồn gốc thửa đất trên vợ chồng chị nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Đỗ Văn Viện, giá nhận chuyển nhượng là 95.000.000 đồng, việc giao dịch mua bán là giữa vợ chồng chị T với vợ chồng ông Viện không L quA gì tới bố mẹ chồng.

Đối với tài sản khoảng 5.000 m2 đất tại xóm 5 thôn 14, xã Đam B’ Ri, Bảo L, Lâm Đồng đây là tài sản chung giữa chị T với Ah Y chưa thỏa thuận chia và Ah Y cũng không giao cho chị số tiền 100.000.000 đồng, do chưa thỏa thuận chia và Ah Y cũng không giao tiền cho chị nên chị không giữ bất kỳ giấy tờ gì L quA đến tài sản trên, hiện nay đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nguồn gốc đất trên vợ chồng chị nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Trung Triều vào

khoảng năm 2013 giá nhận chuyển nhượng là 160.000.000đ vợ chồng chị đã trả đủ tiền và nhận đất cAh tác từ năm 2013.

Khi ly hôn chị yêu cầu được nhận khoảng 5.000 m2 đất tại xóm 5 thôn 14, xã Đam B' Ri, Bảo L, Lâm Đồng còn diện tích đất là thửa 80 tờ bản đồ 13 (Bản đồ mới) xã L Tân, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng chị đồng Y giao cho Ah Y ai nhận hiện vật có giá trị cao hơn thì phải T toán số tiền chênh lệch.

Theo bản đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất do Công ty TNHH A Thịnh Lâm Đồng đo vẽ ngày 24/7/2022 thì diện tích đất thuộc tiểu khu 457 xã Đam Bri, Bảo L, Lâm Đồng là 4.050,5m2 sau khi đã trừ đi diện tích đất nằm trong hành lAg ATBV nguồn nước.

Đến ngày 30/6/2023 chị T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện

Theo bản đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất do Công ty TNHH A Thịnh Lâm Đồng đo vẽ ngày 26/7/2022 thì phần đất sử dụng thực tế có lấn qua thửa 81 so với hồ sơ địa chính là 0,5m2, lấn qua thửa 79 so với hồ sơ địa chính là 0,6m2 và phần diện tích đất thực tế sử dụng bị thiếu so với hồ sơ địa chính giáp thửa 75 là 6,7m2, giáp thửa 79 là 5m2, giáp thửa 81 là 3,2 m2 và giáp đường đất là 40,2m2.

Đối với phần diện tích đất bị thiếu này chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu có yêu cầu thì chị T sẽ yêu cầu bằng một vụ án khác, còn đối với phần đất lấn qua thửa 81 so với hồ sơ địa chính là 0,5m2, lấn qua thửa 79 so với hồ sơ địa chính là 0,6m2 chị T không yêu cầu nhận và chia phần đất này. Chị T yêu cầu chia 663,5 m2 đất thuộc một phần thửa 80, tờ bản đồ 13, xã L Tân, huyện Bảo L. Chị T yêu cầu nhận giá trị bằng tiền theo chứng thư thẩm định giá số 0742/22 ngày 11/8/2022 của Công ty cổ phần giám định và thẩm định tài sản Việt Nam- Chi nhánh Hồ Chí Minh.

Theo họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất ngày 12/6/2023 của Công ty TNHH A Thịnh Lâm Đồng thì tổng diện tích đo theo hiện trạng sử dụng đất là 4.857m2 chị T yêu cầu nhận phần đất ở vị trí số 4 với diện tích 2.428,5m2, chị đồng Y giao phần diện tích đất ở vị trí số 1,2,3 cho Ah Y sử dụng, ai nhận hiện vật có giá trị cao hơn thì phải T toán số tiền chênh lệch bằng tiền.

Về nợ chung: Trong quá trình chung sống chị với Ah Y Không có nợ chung.

Y kiến Ah Y:

Về quA hệ hôn nhân:

Tại bản tự khai ngày 01/3/2022 Ah Y đồng Y ly hôn với chị T, tại biên bản ghi lời khai ngày 16/3//2022 Ah Y trình bày: Ah Y với chị Trương Thị T sống chung với nhau từ năm 2007, có đăng kY kết hôn tại UBND xã Tức TrAh, Phú Lương, Thái Nguyên, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng Y, trước lúc chung sống hai người có tìm hiểu yêu thương nhau. Qúa trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc thời giA đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quA điểm sống vì chị T muốn về quê sinh sống nhưng Ah Y không đồng Y nên chị T tự bỏ đi từ năm 2009 sau đó đến năm 2010 Ah về quê đón chị T vào chung sống đến năm 2012 thì chị T tiếp tục bỏ về quê đến năm 2013 Ah Y lại về quê đón chị T vào chung sống đến năm 2015 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay không quA tâm chăm sóc nhau, nay tình cảm giữa Ah với chị T không còn nhưng

Ah không đồng Y ly hôn vì việc ly hôn không còn quA trọng do từ trước tới nay Ah với chị T thường xuyên sống ly thân với nhau, các lần làm việc tiếp theo Ah Y đồng Y ly hôn với chị T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống Ah Đỗ Văn Y và chị Trương Thị T có 01 con chung là Đỗ Thành Đạt, sinh ngày 08/01/2008. Hiện nay con chung do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn Ah Y yêu cầu được nhận nuôi cháu Đạt cho đến tuổi trưởng thành, Ah không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Đối với thửa đất 80 tờ bản đồ 13 (Bản đồ mới) xã L Tân, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng là tài sản riêng của Ah Y được bố mẹ Ah là ông Đỗ Văn Đ và bà Vũ Thị Phong cho riêng Ah vào năm 2013 khi cho chỉ nói miệng, nguồn gốc thửa đất trên bố mẹ Ah nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Đỗ Văn Viện khi bố mẹ Ah cho là đất trống, đến năm 2020 Ah đã làm nhà ở trên diện tích đất trên, khi nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông Viện thì đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên sAg tên trực tiếp cho Ah và Ah đứng tên từ năm 2013, giá nhận chuyển nhượng là 95.000.000 đồng, đây là tài sản riêng của Ah nên Ah không đồng Y chia cho chị T.

Đối với tài sản là 5.000 m2 đất tại xóm 5 thôn 14, xã Đam B' Ri, Bảo L, Lâm Đồng Ah thừa nhận đây là tài sản chung nhưng giữa Ah với chị T đã thỏa thuận chia với nhau xong vào năm 2017 (Ah nhận toàn bộ diện tích đất trên cùng tài sản trên đất, Ah có trách nhiệm giao cho chị T 100.000.000 đồng và Ah có trách nhiệm trả nợ chung cho bố mẹ Ah là 35.000.000 đồng) khi thỏa thuận tài sản trên đất là cây chè sau này Ah phá bỏ một phần cây chè để trồng cây cà phê hiện nay tài sản trên Ah đã chuyển nhượng cho ông Đỗ Văn Đ để cấn trừ tiền nợ 135.000.000 đồng, giá chuyển nhượng cho Ah Đ là 250.000.000 đồng. Nguồn gốc đất trên Ah với chị T nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Trung Triều vào khoảng năm 2013 giá nhận chuyển nhượng là 160.000.000 đồng Ah và chị T đã trả đủ tiền và nhận đất cAh tác từ năm 2013, khi Ah với chị T thỏa thuận chia tài sản và Ah giao tiền cho chị T có viết giấy tờ và có trưởng thôn và phó thôn 6, xã L Tân tên K' Đoàn, K' Hếp kY làm chứng, hiện nay giấy tờ này Ah không còn giữ mà chị T đã lấy của Ah, sự việc này Ah có làm đơn báo với Ah K' Tuấn Công A xã L Tân, huyện Bảo L do vậy đây là tài sản riêng của Ah nên Ah không đồng Y chia. Số tiền Ah đưa cho chị T 100.000.000 đồng là để chia tài sản 5.000 m2 đất tại xóm 5 thôn 14, xã Đam B' Ri, Bảo L, Lâm Đồng.

Ah Y thống nhất với bản đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất do Công ty TNHH A Thịnh Lâm Đồng đo vẽ ngày 26/7/2022 và ngày 24/7/2022, ngày 12/6/2023 và Chứng thư thẩm định giá ngày 11/8/2022 của Công ty cổ phần giám định và thẩm định tài sản Việt Nam- Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh.

Theo bản đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất do Công ty TNHH A Thịnh Lâm Đồng đo vẽ ngày 24/7/2022 thì diện tích đất thuộc tiểu khu 457 xã Đam Bri, Bảo L, Lâm Đồng là 4.050,5m2 sau khi đã trừ đi diện tích đất nằm trong hành lAg ATBV nguồn nước, diện tích đất này Ah đã chuyển nhượng Ah ông Đ nên Ah không có Y kiến gì.

Theo bản đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất do Công ty TNHH A Thịnh Lâm Đồng đo vẽ ngày 26/7/2022 đối với thửa 80 tờ bản đồ 13 (Bản đồ mới) xã L Tân, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng phần đất sử dụng thực tế có lấn qua thửa 81 so với hồ sơ địa chính là 0,5m2, lấn qua thửa 79 so với hồ sơ địa chính là 0,6m2 và phần diện tích đất thực tế sử dụng bị thiếu so với hồ sơ địa chính giáp thửa 75 là 6,7m2, giáp thửa 79 là 5m2, giáp thửa 81 là 3,2 m2 và giáp đường đất là 40,2m2. Đây là tài sản riêng của Ah nên Ah không có Y kiến gì.

Về nợ chung: Quá trình chung sống Ah cùng chị T nợ ông Đỗ Văn Đ số tiền 35.000.000 đồng, hiện nay Ah Y đã trả nợ xong do cấn trừ vào tiền chuyển nhượng đất cho Ah Đ, do Ah Đ và ông Đ ở chung một nhà, số tiền cấn trừ 100.000.000 đồng là để đưa cho chị T năm 2017 nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quA trình bày:

Y kiến ông Đỗ Văn Đ: Năm 2018 vợ chồng Ah nhận chuyển nhượng của Ah Đỗ Văn Y diện tích đất khoảng 5.000 m2 tại xóm 5 thôn 14, xã Đam B' Ri, Bảo L, Lâm Đồng với giá 250.000.000 đồng, Ah đã giao cho Ah Y số tiền mặt là 150.000.000 đồng, còn 100.000.000 đồng do trước đây Ah Y có vay của vợ chồng Ah số tiền này nên hai bên thống nhất cấn trừ số tiền này qua tiền chuyển nhượng đất.

Khi nhận chuyển nhượng diện tích đất trên hai bên viết giấy tờ tay với nhau, Ah đã giao đủ tiền cho Ah Y và Ah Y đã giao đất cho vợ chồng Ah cAh tác, sử dụng.

Năm 2019 vợ chồng Ah đã chuyển nhượng diện tích đất trên cho vợ chồng ông Lê Đức A và bà Đỗ Thị H với giá 350.000.000 đồng, khi chuyển nhượng hai bên viết giấy tờ tay với nhau, giấy tờ do vợ chồng ông A giữ.

Đối với số tiền nợ là 100.000.000 đồng đã cấn trừ qua tiền đất nên Ah không yêu cầu giải quyết

Y kiến ông Lê Đức A:

Năm 2019 vợ chồng Ah nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Đỗ Văn Đ diện tích đất khoảng 5.000 m2 tại xóm 5 thôn 14, xã Đam B' Ri, Bảo L, Lâm Đồng với giá 350.000.000 đồng.

Khi nhận chuyển nhượng diện tích đất trên hai bên viết giấy tờ tay với nhau, Ah đã giao đủ tiền cho vợ chồng ông Đ và vợ chồng ông Đ đã giao đất cho vợ chồng Ah cAh tác, sử dụng. Từ khi nhận chuyển nhượng diện tích đất trên đến nay vợ chồng Ah cAh tác, sử dụng toàn bộ diện tích đất như nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Đ, không trồng thêm cây trồng nào khác.

Nay vợ chồng bà T ông Y ly hôn tại Tòa án, vợ chồng ông không yêu cầu Tòa án giải quyết gì, nếu sau này có yêu cầu thì vợ chồng ông sẽ khởi kiện một vụ án khác.

Y kiến ông Đỗ Văn Đ:

Nguồn gốc thửa đất 80 tờ bản đồ 13 (Bản đồ mới) xã L Tân, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng là của vợ chồng ông bỏ tiền ra nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Đỗ Văn Viện với giá là 95.000.000 đồng, khi ông nhận chuyển nhượng là đất

trống, sau đó ông cho con trai ông là Đỗ Văn Y, đến năm 2020 Ah Y đã làm nhà ở trên diện tích đất trên, khi vợ chồng ông nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông Viện thì đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên vợ chồng ông và vợ chồng ông Viện thống nhất sAg tên trực tiếp cho Ah Y, đây là tài sản của vợ chồng ông cho riêng Ah Y. Nay vợ chồng Ah Y chị T ly hôn ông vẫn đồng Y cho Ah Y thửa đất trên, tài sản trên ông cho riêng Ah Y không cho chị T.

Năm 2013 vợ chồng Ah Y, chị T có vay của vợ chồng ông số tiền 35.000.000 đồng, vì là con cái trong gia đình nên khi cho vay hai bên chỉ nói miệng với nhau mà không viết giấy tờ gì. Nay vợ chồng Ah Y chị T ly hôn ông cho luôn vợ chồng chị T Ah Y khoản tiền này mà không yêu cầu đòi lại.

Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 07/6/2023 Hạt kiểm lâm thành phố Bảo L cho biết: Diện tích đất 4.857m2 thuộc tiểu khu 457, xã Đam Bri, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng thuộc sự quản lY của BA chỉ huy quân sự thành phố Bảo L theo quyết định số 616/QĐ-UBND ngày 24/3/2021 của UBND tỉnh Lâm Đồng, căn cứ Quyết định số 503/QĐ ngày 08/3/2021 của UBND tỉnh Lâm Đồng thì diện tích đất trên thuộc đất lâm nghiệp.

Tại biên bản xác minh ngày 07/6/2023 BA chỉ huy quân sự thành phố Bảo L cho biết: Diện tích đất 4.857m2 tại tiểu khu 457, xã Đam Bri, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng theo quyết định số 616/QĐ-UBND ngày 24/3/2021 của UBND tỉnh Lâm Đồng thuộc sự quản lY của BA chỉ huy quân sự thành phố Bảo L, tuy nhiên trên thực tế BA chỉ huy quân sự thành phố Bảo L chưa nhận quản lY bất kỳ diện tích đất nào thuộc xã Đam Bri, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

Ông **Đỗ Văn Viện** và bà **Nguyễn Thị Thà** cho biết: Vào khoảng năm 2012 hoặc năm 2013 vợ chồng ông Viện bà Thà chuyển nhượng cho ông Đỗ Văn Đ thửa đất số 80 tờ bản đồ 13 (Bản đồ mới) xã L Tân, huyện Bảo L tỉnh Lâm Đồng với giá 95.000.000 đồng mọi giao dịch mua bán là giữa vợ chồng ông Viện bà Thà với ông Đ, ông Đ cũng là người trực tiếp giao tiền cho vợ chồng ông Viện bà Thà, khi làm thủ tục sAg tên do ông Đ trực tiếp làm, vợ chồng ông Viện bà Thà chỉ kY nên không rõ sAg tên cho ai đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông **Nguyễn Trung Triều** cho biết: Khoảng năm 2013 ông có chuyển nhượng cho vợ chồng Ah Y chị T khoảng 5.000 m2 đất tại xóm 5, thôn 14, xã Đam B' ri, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng với giá là 160.000.000 đồng ông đã nhận đủ tiền từ vợ chồng Ah Y chị T và ông cũng đã giao đất cho Ah Y chị T quản lY, sử dụng.

Ông **K' Hiếp** cho biết: Trước đây ông là trưởng thôn 6, xã L Tân, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng, do thời giA đã lâu nên ông không nhớ cụ thể nhưng ông có chứng kiến tại nhà ông Đỗ Văn Đ và bà Đoàn Thị H, ông Đỗ Văn Đ đưa cho chị Trương Thị T số tiền 100.000.000 đồng ông chỉ nghe nói số tiền đó là các bên tự thỏa thuận chia tài sản còn chia thửa đất nào ông không biết.

Bà **Ka Đoàn** cho biết: Trước đây bà là phó thôn 6, xã L Tân, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng, do thời giA đã lâu nên bà không nhớ cụ thể nhưng bà có chứng kiến tại nhà ông Đỗ Văn Đ, ông Đ có đưa cho chị Trương Thị T số tiền 100.000.000

đồng bà chỉ nghe nói số tiền đó là chia tài sản chung còn chia thửa đất nào bà không biết.

Chữ kY trong giấy xin xác nhận ngày 26/12/2021 chỗ người làm chứng là chữ kY của bà, nội dung chị T nhận số tiền 100.000.000 đồng để chị T nuôi con, ông Đ và Ah Y nói đưa 100.000.000 đồng cho chị T nuôi con, nếu không nuôi được con thì phải trả lại 100.000.000 đồng.

Ah **K' Tuấn** cho biết: Trước đây Ah công tác tại Công A xã L Tân, huyện Bảo L, do thời giA đã lâu Ah không nhớ cụ thể ngày tháng năm nhưng có một lần Ah Đỗ Văn Y lên Công A xã L Tân, huyện Bảo L trình báo về việc mất một số giấy tờ do chị T và con trai của chị T Ah Y lấy, nội dung mất giấy tờ gì thì Ah Y không nói rõ, ông có hướng dẫn Ah Y nếu mất thì làm thủ tục cấp lại, lúc Ah Y lên báo sự việc thì không làm đơn từ gì cả và Ah cũng chỉ trao đổi miệng với Ah Y không lập biên bản và cũng không ghi nhận sự việc, Ah Y cũng không nói rõ cụ thể là mất loại giấy tờ gì.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Trương Thị T đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Trương Thị T và Ah Đỗ Văn Y được ly hôn với nhau, về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Đạt cho chị T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, buộc Ah Y có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Đạt với số tiền 1.500.000 đồng/ tháng, cấp dưỡng hàng tháng, về tài sản chung đề nghị Hội đồng xét xử xác định tài sản chung là thửa đất số 80, tờ bản đồ 13, xã L Tân, huyện Bảo L, giao cho Ah Y sử dụng thửa đất trên, Ah Y có trách nhiện T toán lại cho chị T bằng tiền theo chứng thư thẩm định giá 11/8/2022 của Công ty cổ phần giám định và thẩm định tài sản Việt Nam- Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với diện tích đất thuộc tiểu khu 457, xã Đam Bri, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng đề nghị Hội đồng xét xử xác định đây là tài sản chung của Ah Y và chị T chưa chia do vậy giao cho chị T sử dụng thửa số 4 giao cho Ah Y sử dụng thửa số 1, 2, 3 Theo họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất ngày 12/6/2023 của Công ty TNHH A Thịnh Lâm Đồng.

Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ L quA vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên;

Sau khi Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L phát biểu Y kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư kY phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lY cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu Y kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử**:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Trương Thị T** và Ah **Đỗ Văn Y**.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là Đỗ Thành Đạt, sinh ngày 08/01/2008 cho chị Trương Thị T nuôi dưỡng đến khi cháu Đạt tròn 18

tuổi. Buộc Ah Đỗ Văn Y có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Đạt với số tiền 1.500.000 đồng/ tháng, cấp dưỡng hàng tháng.

Về tài sản chung: Đề nghị Hội đồng xét xử xác định thửa đất số 80, tờ bản đồ 13, xã L Tân, huyện Bảo L là tài sản chung của Ah Y và chị T nên giao cho Ah Y sử dụng thửa đất trên, Ah Y có trách nhiện T toán cho chị T bằng tiền theo chứng thư thẩm định giá 11/8/2022 của Công ty cổ phần giám định và thẩm định tài sản Việt Nam- Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với diện tích đất thuộc tiểu khu 457, xã Đam Bri, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng đề nghị Hội đồng xét xử xác định đây là tài sản chung của Ah Y chị T chưa chia với nhau do vậy đề nghị Hội đồng xét xử tạm giao cho chị T sử dụng thửa số 4, tạm giao cho Ah Y sử dụng thửa 1,2,3 Theo họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất ngày 12/6/2023 của Công ty TNHH A Thịnh Lâm Đồng

Về án phí : Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả trAh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt nguyên đơn và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ L quA: Chị Trương Thị T, chị Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bà Đoàn Thị H, Hạt kiểm lâm thành phố Bảo L và BA chỉ huy quân sự thành phố Bảo L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về quA hệ hôn nhân: Chị T với Ah Y sống chung với nhau từ năm 2007, có đăng kY kết hôn tại UBND xã Tức TrAh, Phú Lương, Thái Nguyên, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng Y, thời giA đầu vợ chồng sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn, hiện nay vợ chồng sống ly thân không quA tâm chăm sóc đến nhau, do tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu được ly hôn với Ah Y. Ah Y cũng đồng Y được ly hôn với chị T, chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục Đ hôn nhân không đạt được. Do vậy áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị T và Ah Đỗ Văn Y là có cơ sở và đúng pháp luật.

[3] Về con chung: Chị T và Ah Y có 01 con chung là Đỗ Thành Đạt, sinh ngày 08/01/2008. Hiện nay con chung do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là cháu Đạt cho đến khi đủ 18 tuổi, chị T yêu cầu Ah Y cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng

tháng. Ah Y cũng yêu cầu được nhận nuôi cháu Đạt cho khi đủ 18 tuổi, Ah không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu nhận nuôi con của chị T Ah Y thấy rằng: Hiện nay con chung đAg ở với chị T tại xã Tức TrAh, Phú Lương, Thái Nguyên, cháu Đạt có đơn trình bày nguyện vọng được ở với chị T khi bố mẹ ly hôn, do vậy để ổn định trong sinh hoạt cần áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao con chung là Đỗ Thành Đạt, sinh ngày 08/01/2008 cho chị T nuôi dưỡng đến khi cháu Đạt tròn 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con hiện nay Ah Y có nghề nghiệp chính là làm vườn, có khả năng lao động, cháu Đạt chưa đủ tuổi thành niên căn cứ vào nhu cầu sinh hoạt thực tế của cháu Đạt thì chị T yêu cầu Ah Y cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng là phù hợp và đúng pháp luật nên cần áp dụng khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, buộc Ah Y có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Đạt với số tiền 1.500.000 đồng/ tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời giam bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 10/2023.

[4] Về tài sản chung: Theo ông Viện bà Thà ông Đ và Ah Y trình bày thửa đất số 80, tờ bản đồ 13 xã L Tân, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng có nguồn gốc của ông Đỗ Văn Viện và bà Nguyễn Thị Thà chuyển nhượng ông Đ vào năm 2013, ông Đ là người trả tiền nhận chuyển nhượng đất, do ông Đ cho con là Ah Y nên để Ah Y đứng tên trên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, còn ông Viện bà Thà cho rằng do ông Đ đi làm thủ tục chuyển nhượng nên trên hợp đồng nhận chuyển nhượng đứng tên ai ông bà không biết, lời trình bày trên của Ah Y, ông Đ, ông Viện và bà Thà là không có chứng cứ chứng minh và không được chị T thừa nhận, tài sản trên đứng tên Ah Y và Ah Y nhận chuyển nhượng trong thời kỳ hôn nhân giữa chị T và Ah Y đAg tồn tại, chứng tỏ rằng đây là tài sản chung của Ah Y với chị T nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Viện bà Thà.

Theo bản đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất ngày 26/7/2022 của Công ty TNHH A Thịnh Lâm Đồng thì tổng diện tích đất sử dụng thực tế 664,6 m2, trong đó 663,5 m2 thuộc một phần thửa 80, tờ bản đồ 13, xã L Tân, huyện Bảo L, 0,5m2 thuộc một phần thửa 81 tờ bản đồ 13, xã L Tân, huyện Bảo L, 0,6m2 thuộc một phần thửa 79 tờ bản đồ 13, xã L Tân, huyện Bảo L

Phần diện tích đất thực tế sử dụng bị thiếu so với hồ sơ địa chính giáp thửa 75 là 6,7m2, giáp thửa 79 là 5m2, giáp thửa 81 là 3,2 m2 và giáp đường đất là 40,2m2.

Đối với phần diện tích đất bị thiếu chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu có yêu cầu thì chị T sẽ yêu cầu bằng một vụ án khác, còn đối với phần đất lấn qua thửa 81 so với hồ sơ địa chính là 0,5m2, lấn qua thửa 79 so với hồ sơ địa chính là 0,6m2 chị T không yêu cầu nhận và chia phần đất này. Bản thân Ah Y cho rằng đây là tài sản riêng của Ah nên Ah không có Y kiến gì. Do vậy tài sản chung là đất của chị T với Ah Y theo yêu cầu chia của chị T là 663,5 m2 thuộc một phần thửa 80, tờ bản đồ 13, xã L Tân, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

Theo chứng thư thẩm định giá số 0742/22 ngày 11/8/2022 của Công ty cổ phần giám định và thẩm định tài sản Việt Nam- Chi nhánh Hồ Chí Minh trị giá đất là 2.530.000 đồng/m2 x 663,5 m2 = 1.678.655.000 đồng, hiện nay Ah Y đã xây dựng nhà trên một phần diện tích đất trên (Chị T thừa nhận tài sản trên đất là của riêng Ah Y), do vậy cần áp dụng Điều 59; Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao tài sản là 663,5 m2 đất thuộc một phần thửa 80, tờ bản đồ 13 (Bản đồ mới), xã L Tân, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng cho Ah Y quản lY, sử dụng. Ah Y có trách nhiệm trả lại cho chị T 839.327.500 đồng do Ah Y nhận tài sản là hiện vật.

Phần diện tích đất thực tế sử dụng bị thiếu so với hồ sơ địa chính giáp thửa 75 là 6,7m2, giáp thửa 79 là 5m2, giáp thửa 81 là 3,2 m2 và giáp đường đất là 40,2m2 và phần đất lấn qua thửa 81 so với hồ sơ địa chính là 0,5m2, lấn qua thửa 79 so với hồ sơ địa chính là 0,6m2 phần diện tích đất này chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 4.857 m2 thuộc tiểu khu 457, thôn 14, xã Đam B' ri, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng. Theo họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất ngày 12/6/2023 của Công ty TNHH A Thịnh Lâm Đồng thì tổng diện tích đo theo hiện trạng sử dụng đất là 4.857m2, trong đó:

Vị trí số (1) là 1. 631,4 m2 có 154,1 m2 nằm trong hành lAg A toàn bảo vệ nguồn nước, hiện trạng đất trồng cà phê.

Vị trí số (2) là 347,7 m2 có 138,1 m2 nằm trong hành lAg A toàn bảo vệ nguồn nước, hiện trạng đất trồng chè.

Vị trí số (3) là 449,4 m2 có 195,3 m2 nằm trong hành lAg A toàn bảo vệ nguồn nước, hiện trạng đất trồng cà phê.

Vị trí số (4) là 2.428,5m2 có 319 m2 nằm trong hành lAg A toàn bảo vệ nguồn nước, hiện trạng đất trồng cà phê.

Ah Y thừa nhận đây là tài sản chung giữa Ah với chị T nhưng đã thỏa thuận chia với nhau xong vào năm 2017 Ah nhận toàn bộ diện tích đất trên cùng tài sản trên đất, Ah có trách nhiệm giao cho chị T 100.000.000 đồng và Ah có trách nhiệm trả nợ chung cho bố mẹ Ah là 35.000.000 đồng, Ah đã giao tiền cho chị T khi giao tiền và thỏa thuận chia tài sản trên có ông K' Hiếp và bà Ka Đoàn là người làm chứng, toàn bộ giấy tờ này chị T đã lấy nên Ah có trình báo với Công A xã L Tân , lời trình bày trên của Ah Y là không có căn cứ chấp nhận vì Ah không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, trong quá trình giải quyết vụ án Ah Y giao nộp cho Tòa án một giấy xin xác nhận đề ngày 26/12/2021 (Bản phô tô) có người làm chứng là ông K' Hiếp xác nhận ông có chứng kiến việc Ah Y giao cho chị T 100.000.000 đồng tại nhà Ah Đ và bà Ka Đoàn cũng xác nhận bà có chứng kiến việc AhY và chị T tại nhà ông Đ số tiền 100.000.000 đồng, Ah Đ có xác nhận Ah Y có đưa cho chị T 100.000.000 đồng tại nhà Ah. Tại biên bản xác minh ngày 09/11/2022 ông K' Hiếp cho biết: Ông có có chứng kiến tại nhà ông Đỗ Văn Đ và bà Đoàn Thị H, ông Đỗ Văn Đ có đưa cho bà Trương Thị T số tiền 100.000.000 đồng ông chỉ nghe nói số tiền đó là các bên tự thỏa thuận chia tài sản còn chia thửa đất nào ông không biết. Bà Ka Đoàn cho biết: Bà có chứng kiến tại nhà ông Đỗ Văn

Đ ông Đ có đưa cho chị Trương Thị T số tiền 100.000.000 đồng bà chỉ nghe nói số tiền đó là chia tài sản chung còn chia thửa đất nào bà không biết.

Chữ kY trong giấy xin xác nhận ngày 26/12/2021 chỗ người làm chứng là chữ kY của bà, nội dung chị T nhận số tiền 100.000.000 đồng để chị T nuôi con, ông Đ và Ah Y nói đưa 100.000.000 đồng cho chị T nuôi con, nếu không nuôi được con thì phải trả lại 100.000.000 đồng, tại biên bản xác minh ngày 03/8/2023 ông K' Tuấn cho biết: Trước đây Ah Đỗ Văn Y lên Công A xã L Tân, huyện Bảo L trình báo về việc mất một số giấy tờ do chị T và con trai của chị T lấy, Ah Y cũng không nói rõ cụ thể là mất loại giấy tờ gì. Qua xem xét chứng cứ (Bản phô tô do Ah Y giao nộp) cùng những người làm chứng trình bày không có cơ sở khẳng định tài sản trên giữa chị T và Ah Y đã tự chia với nhau vì ông Đ là Ah ruột của Ah Y. Ông K' Hiếp và bà Ka Đoàn cũng chỉ nghe nói ông Đ đưa cho chị T 100.000.000 đồng để chia tài sản, còn bà Ka Đoàn lúc thì trình bày chia tài sản lúc thì trình bày đưa số tiền trên cho chị T nuôi con, khi mất giấy tờ thì Ah Y cũng không nói cụ thể mất loại giấy tờ gì, trong khi đó chị T không thừa nhận tài sản trên đã chia đồng thời tài sản trên được Ah Y và chị T thừa nhận là tài sản chung, Ah Triều cũng trình bày tài sản trên Ah chuyển nhượng cho chị T Ah Y, tại phiên tòa Ah Y xuất trình 01 đoạn clip nhưng không thể hiện giấy tờ thỏa thuận chia tài chung giữa chị T và Y do chị T và con trai chị T lấy, do đó có căn cứ khẳng định rằng 4.857 m2 đất + Tài sản trên đất thuộc tiểu khu 457, thôn 14, xã Đam B' ri, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng giữa chị T Ah Y chưa chia với nhau. Tuy nhiên hiện nay tòa bộ diện tích đất trên thuộc đất lập nghiệp nên Tòa án chỉ xem xét tạm giao cây trồng trên đất (Cà phê với chè) không xem xét giải quyết tài sản là đất.

Do vậy cần tạm giao cho chị T chăm sóc thu hoạch cây cà phê nằm trên diện tích đất thuộc vị trí số (4) là 2.109,5 m2. Theo họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất ngày 12/6/2023 của Công ty TNHH A Thịnh Lâm Đồng, trong đó đã trừ 319 m2 đất nằm trong hành lAg A toàn bảo vệ nguồn nước, trị giá cây trồng trên đất là 54.194.109 đồng đã trừ cây trồng trong đất hành lAg A toàn bảo vệ nguồn nước

Tạm giao cho Ah Y chăm sóc thu hoạch cây cà phê nằm trên diện tích đất thuộc vị trí số (1) số (3) là 1.731,4 m2. Theo họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất ngày 12/6/2023 của Công ty TNHH A Thịnh Lâm Đồng, trong đó đã trừ 349,4 m2 nằm trong hành lAg A toàn bảo vệ nguồn nước, trị giá cây trồng trên đất là 44.480.531 đồng đã trừ cây trồng trong đất hành lAg A toàn bảo vệ nguồn nước

Tạm giao cho Ah Y chăm sóc thu hoạch cây chè nằm trên diện tích đất thuộc vị trí số (2) là 209,6 m2. Theo họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất ngày 12/6/2023 của Công ty TNHH A Thịnh Lâm Đồng, trong đó đã trừ 138,1 m2 nằm trong hành lAg A toàn bảo vệ nguồn nước, trị giá cây trồng trên đất là 6.866.700 đồng đã trừ cây trồng trong đất hành lAg A toàn bảo vệ nguồn nước.

Không tạm giao cây trồng trong đất hành lAg A toàn bảo vệ nguồn nước

Tổng trị giá cây trồng là 105.541.340 đồng, trị giá cây trồng chị T được tạm giao là 54.194.109 đồng, trị giá cây trồng Ah Y được tạm giao là 51.347. 231 đồng, do vậy chị T có trách nhiệm trả lại cho Ah Y 1.423.439 đồng.

Khi cơ quA nhà nước có thẩm quyền yêu cầu thì Ah Y và chị T có trách nhiệm tự giải tỏa cây trồng trên đất để trả lại đất cho nhà nước theo quy định của pháp luật

Trong quá trình giải quyết vụ án Ah Y trình bày đã chuyển nhượng diện tích đất trên cùng tài sản trên đất cho vợ chồng ông Đỗ Văn Đ để cấn trừ tiền nợ là 135.000.000 đồng, giá chuyển nhượng cho ông Đ là 250.000.000 đồng, ông Đ cùng trình bày vợ chồng ông đã nhận chuyển nhượng diện tích đất trên của Ah Đỗ Văn Y giá cả như Ah Y trình bày, đến Năm 2019 vợ chồng ông Đ đã chuyển nhượng diện tích đất trên cho vợ chồng ông Lê Đức A và bà Đỗ Thị H với giá 350.000.000 đồng, khi chuyển nhượng hai bên viết giấy tờ tay với nhau, ông A cũng thừa nhận đã nhận chuyển nhượng diện tích đất trên cùng tài sản trên đất của vợ chồng ông Đ các bên đã giao nhận đất và tài sản trên đất và cũng đã trả đủ tiền, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã phân tích các quy định của pháp luật đồng thời bA hành thông báo tống đạt cho vợ chồng ông Đ và vợ chồng ông A có yêu cầu giải quyết hợp đồng chuyển nhượng đất trên trong vụ án này nhưng vợ chồng ông Đ, vợ chồng ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết tại phiên tòa ông A xuất trình giấy chuyển nhượng đất với ông Đ, ông Đ xuất trình giấy chuyển nhượng đất với Ah Y nhưng ông Đ và vợ chồng ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Tòa án không xem xét giải quyết việc chuyển nhượng đất cũng như hậu quả của hợp đồng vô hiệu giữa vợ chồng ông A với vợ chồng ông Đ và giữa vợ chồng ông Đ và Ah Y trong vụ án này nếu sau này vợ chồng ông Đ, vợ chồng ông A cùng Ah Y có yêu cầu thì sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Do ông Đỗ Văn Đ không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền là 76.781.840, trong đó chi phí Thẩm định giá là 65.000.000 đồng, chi phí đo vẽ là 10.581.840 đồng, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.200.000 đồng do tài sản chung trên được chia cho chị T và Ah Y mỗi người ½ nên chị T và Ah Y mỗi người chịu 38.390.920 đồng tiền chi phí tố tụng, hiện nay toàn bộ chi phí tố tụng chị T đã tạm đóng nên cần buộc Ah Y trả lại cho chị T 38.390.920 đồng tiền chi phí tố tụng.

[7]Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lY và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị T Ah Y mỗi người được chia tài sản chung là 892.098.170 đồng nên chị T Ah Y mỗi người phải nộp 38.762.945 đồng án phí DSST về yêu cầu chia tài sản chung (36.000.000 đồng + 3% của phần giá trị tài sản có trAh chấp vượt quá 800.000.000 đồng).

Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí DSST xin ly hôn

Ah Y có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Ah Y phải chịu 300.000 đồng án phí DSST cấp dưỡng nuôi con

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 207; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 55; Điều 59; Điều 62; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1/ Xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Trương Thị T** và Ah **Đỗ Văn Y**.

2/ Về con chung: Giao con chung là Đỗ Thành Đạt, sinh ngày 08/01/2008 cho chị Trương Thị T nuôi dưỡng đến khi cháu Đạt tròn 18 tuổi. Buộc Ah Đỗ Văn Y có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Đạt với số tiền 1.500.000 đồng/ tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời giA bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 10/2023.

"Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn cũng như việc thăm nom, chăm sóc con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình".

3/ Về Tài sản chung: Giao cho Ah Đỗ Văn Y quản lY, sử dụng 663,5 m2 đất thuộc một phần thửa 80, tờ bản đồ 13 (Bản đồ mới), xã L Tân, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng, có tứ cận một phía giáp đường, một phía giáp thửa 79, một phía giáp thửa 81, một phía giáp thửa 75 tờ bản đồ 13 (Bản đồ mới), xã L Tân, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng. Theo bản đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất ngày 26/7/2022 của Công ty TNHH A Thịnh Lâm Đồng

Buộc Ah **Đỗ Văn Y** có trách nhiệm trả cho chị Trương Thị T 839.327.500 (Tám trăm ba mươi chín triệu ba trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm) đồng do Ah Y nhận tài sản chung là hiện vật.

Tạm giao cho chị Trương Thị T chăm sóc thu hoạch cây cà phê nằm trên diện tích đất thuộc vị trí số (4) là 2.109,5 m2. Theo họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất ngày 12/6/2023 của Công ty TNHH A Thịnh Lâm Đồng.

Tạm giao cho Ah Đỗ Văn Y chăm sóc thu hoạch cây cà phê nằm trên diện tích đất thuộc vị trí số (1) số (3) là 1.731,4 m2. Theo họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất ngày 12/6/2023 của Công ty TNHH A Thịnh Lâm Đồng.

Tạm giao cho Ah Đỗ Văn Y chăm sóc thu hoạch cây chè nằm trên diện tích đất thuộc vị trí số (2) là 209,6 m2 . Theo họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất ngày 12/6/2023 của Công ty TNHH A Thịnh Lâm Đồng.

Chị Trương Thị T có trách nhiệm trả cho cho Ah Đỗ Văn Y 1.423.439 (Một triệu bốn trăm hai mươi ba ngàn bốn trăm ba chín) đồng do chị T nhận hiện vật có giá trị cao hơn Ah Y.

Ông Lê Đức A và bà Đỗ Thị H có trách nhiện giao lại tài sản trên cho chị Trương Thị T và Ah Đỗ Văn Y chăm sóc thu hoạch.

Khi cơ quA nhà nước có thẩm quyền yêu cầu thì Ah Y và chị T có trách nhiệm tự giải tỏa cây trồng trên đất để trả lại đất cho nhà nước theo quy định của pháp luật

4/Về chi phí tố tụng: Buộc chị Trương Thị T phải nộp 38.390.920 đồng tiền chi phí tố tụng (Chị T đã nộp xong).

Buộc Ah Đỗ Văn Y phải trả lại cho chị Trương Thị T 38.390.920 đồng tiền chi phí tố tụng.

"Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".

5/Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lY và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc chị Trương Thị T phải nộp 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm xin ly hôn và 38.762.945 đồng án phí Dân sự sơ thẩm trên phần tài sản được nhận. Tổng cộng chị T phải nộp 39.062.945 đồng án phí Dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 5.300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004252 ngày 11/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng. Chị T còn phải nộp 33.762.945 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Buộc Ah Đỗ Văn Y phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con và 38.762.945 đồng án phí Dân sự sơ thẩm trên phần tài sản được nhận, Tổng cộng Ah Y phải nộp 39.062.945 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (Hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

(Người có quyền lợi và nghĩa vụ L quA chỉ được quyền kháng cáo phần có L quA).

"Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự."

Nơi nhận:
- TAD tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo L;
- Chi cục THADS huyện Bảo L;
- UBND xã Tức TrAh, huyện Phú Lương;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(ĐÃ KÝ)

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Đình Phong